|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**\_\_\_\_\_\_\_\_\_Số: /2016/NĐ-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*Hà Nội, ngày tháng năm 2016* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Pháp lệnh Giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;*

*Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi (sau đây gọi tắt là Nghị định số 119/2013/NĐ-CP) như sau:

***1. Điểm c khoản 2 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

*“c) Phạt tiền bằng 40% đến 60% tổng giá trị động vật tại thời điểm vi phạm* đối với hành vi vi phạm cố tình đưa nước hoặc chất khác vào động vật trước và sau khi giết mổ *nhưng số tiền phạt tối đa không quá 50.000.000 đồng*”.

***2. Điểm h khoản 2 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“h) Phạt tiền từ *15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng* đối với hành vi vi phạm giết mổ động vật, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi.”

***3. Khoản 2 Điều 35 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

“2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh mỗi loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi không có trong Danh mục thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam *hoặc không có văn bản cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”.

***4. Khoản 1 Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

**“** 1. Phạt tiền đối với các hành vi vi phạm sau đây:

a) *Phạt tiền bằng 80% đến 100% tổng giá trị động vật vi phạm tại thời điểm vi phạm nhưng số tiền phạt tối đa không quá 100.000.000 đồng* đối với hành vi vi phạm sử dụng chất cấm trong chăn nuôi nông hộ *nhưng chưa tạo dư lượng vượt ngưỡng cho phép trong sản phẩm*;

b) *Phạt tiền bằng 100% đến 120% tổng giá trị động vật vi phạm tại thời điểm vi phạm nhưng số tiền phạt tối đa không quá 100.000.000 đồng* đối với hành vi vi phạm sử dụng chất cấm trong chăn nuôi trang trại hộ *nhưng chưa tạo dư lượng vượt ngưỡng cho phép trong sản phẩm*.”

***5. Khoản 3 Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

*“*3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

*a) Buộc chủ vật nuôi tiếp tục nuôi dưỡng vật nuôi đã sử dụng chất cấm đến khi kiểm tra không còn tồn dư chất cấm mới được phép xuất bán hoặc giết mổ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này; buộc tiêu hủy động vật trong trường hợp tái phạm.*

*b) Buộc chủ vật nuôi vi phạm phải tiêu hủy toàn bộ chất cấm, thức ăn chăn nuôi có chất cấm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này*.”

**Điều 2**. **Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các hành vi vi phạm hành chính xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Nghị định số 119/2013/NĐ-CP để xử lý.

2. Các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định về xử phạt tại Nghị định này nếu có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2016.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- UB Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, KTN (3b).KN300 | **TM. CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG** |